

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-6-2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ba;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1973. Có mặt.
  2. *Bị đơn:* Chị Tô Thị T, sinh năm 1981. Vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Thôn TĐ, xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02/10/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống êm ấm suốt gần 20 năm nhưng vào ngày 05/12/2019 thì chị T có quan hệ bất chính với người khác.

Từ đó, vợ chồng không còn chung sống hòa thuận được nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 21/07/2003 và Nguyễn Tô Chiến T, sinh ngày 11/8/2008. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị T; về con chung: Giao các cháu Th, T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị T cư trú tại thôn TĐ, xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; anh T yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “*ly hôn, nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02/10/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh T và chị T chung sống hạnh phúc được gần 20 năm nhưng đến ngày 05/12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T

trình bày là do chị T ngoại tình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[3]. Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung. Chị T không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con. Việc yêu cầu nuôi 02 con của anh T là tự nguyện và các cháu Th, T đều có nguyện vọng ở với anh T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao các cháu Th, T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn T về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn T và chị Tô Thị T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 21/07/2003 và Nguyễn Tô Chiến T, sinh ngày 11/8/2008 cho anh Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn T phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0007201 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24 - 6 - 2020), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú, huyện Quế Sơn  
( Giấy CNKH số 47 ngày 02/10/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Trần Nguyên Vỹ**